

Số: 535 /TB-BV

Hà Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2024

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Công văn 2106/SYT - NVD ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2024-2025.

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện tại Bệnh viện Phổi Hà Giang đang có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2024-2025.

Bệnh viện Phổi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Hà Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phó trưởng khoa Dược - Ds. Lục Thị Lý, SĐT: 0889.747.779
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Đ/c: Tổ 3, Phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 03/10/2024 đến trước 16h ngày 23/9/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

- Danh mục hàng hoá cần báo giá, yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng.
  - Chi tiết tại **Phụ lục số I**
- Địa điểm cung cấp, vận chuyển
  - Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Đ/c: Tổ 3, Phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
  - Các yêu cầu về vận chuyển: Theo quy định của nhà sản xuất hàng hóa
- Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 02/2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản 01 lần sau khi giao, nhận hàng hóa và các giấy tờ tài liệu liên quan.

5. Các thông tin khác:

- Tình trạng hàng hóa: Mới 100% chưa qua sử dụng;

Thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản.

6. Mẫu báo giá: Theo **Phụ lục số II** đính kèm

Bệnh viện Phổi Hà Giang rất mong nhận được báo giá và các tài liệu liên quan của các nhà cung cấp và cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD, TCKT; HS mua sắm.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Văn Tài**

### Phụ lục 1: Danh mục hàng hoá.

(Kèm theo công văn số: 535 /TB-BV ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện  
Phổi tỉnh Hà Giang)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>THIẾT BỊ Y TẾ VÀ VẬT TƯ KHÁC</b>				
1	Bông hút Y tế	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: ≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%; Quy cách: 1 kg/ gói Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.	Kg	50	
2	Băng dính các loại, các cỡ KT 2,5 cm x 9,1m	KT 2,5cm*9,1m Băng có cấu tạo nền vải lụa acetate, taffeta mịn, bóng, mềm mại, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. * Phủ lớp keo Acrylate không chứa mù cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. * Xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện* Thiết kế lõi giấy thân thiện với môi trường* Chống thấm nước Lợi ích sử dụng: * Bền chắc, thông thoáng cho da* Dính tốt trên da khô và miết với áp lực nhẹ sau khi dán. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,...(hoặc trong đương)	Cuộn	1,500	
3	Gạc hút y tế khổ 0,8m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.	Mét	200	
4	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 15cm	Kích thước 6cmx 15cm. Cấu tạo 3 lớp, lớp vải bọc ngoài được làm từ vải không dệt có độ thấm hút rất cao. lớp giữa làm từ nguyên liệu bông xơ thiên nhiên 100% cotton, không có độc tố, Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP,CE, Chứng nhận QCVN 01:2017/BCT, CFS	miếng	15,000	
5	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 10cm	Kích thước 6cmx 10cm. Cấu tạo 3 lớp, lớp vải bọc ngoài được làm từ vải không dệt có độ thấm hút rất cao. lớp giữa làm từ nguyên liệu bông xơ thiên nhiên 100% cotton, không có độc tố, Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP,CE, Chứng nhận QCVN 01:2017/BCT, CFS	miếng	15,000	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Gạc cầu fi 30 x 1 lớp vô trùng	Gạc hình cầu kích thước Fi30x1 lớp được làm từ vải được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA của Hoa Kỳ;CE, chứng nhận GMP, Chứng nhận QCVN 01:2017/BCT, CFS	miếng	15,000	
7	Gạc cầu fi 50 x 1 lớp vô trùng	Gạc hình cầu kích thước Fi50 được làm từ vải được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA của Hoa Kỳ;CE, chứng nhận GMP, Chứng nhận QCVN 01:2017/BCT, CFS	miếng	15,000	
8	Bơm cho ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy.</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	500	
9	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	300	
10	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Bệ mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	200	
11	Bơm tiêm 10ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia</li> </ul>	Cái	50,000	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Độc kim có màu, giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy, rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.			
12	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Độc kim có màu, giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy, rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	30,000	
13	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có nệm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chét $\leq 0.03\text{ml}$ , khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy, rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,	Cái	100	
14	Kim cánh bướm các loại, các cỡ	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài $\geq 30\text{cm}$ , đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	20,000	
15	Kim trích máu ( loại kim dẹt, mảnh)	Kim các số G18, G20, G23, Vi dựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	500	
16	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	Kim được làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc nhọn. Không độc, không gây sốt. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn chất lượng châu Âu CE, ISO13485	Cái	55,000	
17	Kim luồn tĩnh mạch có cửa có cánh các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch, không cánh, không cửa, 2 đường cân quang • Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim bén với ba mặt vát giúp chích nhẹ không đau • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. • Catheter ôm sát thân kim tránh tè và đùn khi đi xuyên qua da	Cái	3,500	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát</li> <li>Dễ sử dụng.</li> <li>Nguyên liệu FEP</li> <li>Tiệt trùng bằng khí EO</li> </ul> TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy</li> <li>10290: 14G: 2.0x45mm - 305ml/min</li> <li>10291: 16G: 1.7x45mm - 200ml/min</li> <li>10292: 17G: 1.5x45mm - 142ml/min</li> <li>10293: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min</li> <li>10295: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min</li> <li>10296: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min</li> <li>10297: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min</li> </ul>			
18	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống <ul style="list-style-type: none"> <li>Dễ chọc với đầu kim vát Quincke point.</li> <li>Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn</li> <li>Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra.</li> <li>Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống</li> <li>Tiệt trùng bằng khí EO</li> </ul> TCCL: ISO <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông số kỹ thuật:</li> <li>20921: 18Gx3.50IN - Ø1.2x90± 0.1mm</li> <li>20923: 20Gx3.50IN - Ø0.9x90± 0.1mm</li> <li>20925: 22Gx3.50IN - Ø0.7x90± 0.1mm</li> <li>20926: 23GX3.50IN - Ø0.6X90± 0.1mm</li> <li>20928: 25Gx3.50IN - Ø0.5x90± 0.1mm</li> <li>20930: 27Gx3.50IN - Ø0.4x90± 0.1mm</li> </ul>	Cái	100	
19	Kim rút dịch màng phổi	Kim rút dịch màng phổi được đóng gói tiệt trùng từng cây riêng. Chất liệu catheter ETFE, tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử ( EB)	cái	1,500	
20	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm các số	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2008; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	10,000	
21	Dây truyền dịch kim thường	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2008; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	10,000	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
22	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối bơm tiêm điện chất liệu nhựa y tế PVC với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 75cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO gas	Cái	200	
23	Khóa ba ngã không dây	Chất liệu: Polycarbonate, HDPE, PP chịu áp suất lên tới 72 psi hoặc 5 bar có thể xoay 360 độ. Tiệt trùng bằng khí EO gas.	Cái	500	
24	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Găng tay cao su tự nhiên, có bột, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4, ISO 10993-5:2009 (E), ISO 10993-10:2010 (E). Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng ( $\pm 0.2$ gr); XS: 4.0gr, S: 4.5gr, M: 5.0gr, L: 5.5gr, XL: 6.0gr. Chiều dài: 240mm $\pm 5$ . Chiều rộng (mm): XS: 75 $\pm 5$ , S: 85 $\pm 5$ , M: 95 $\pm 5$ , L: 105 $\pm 5$ , XL: 115 $\pm 5$ . Độ dày (mm): Lòng bàn tay: $\geq 0.09$ , Đầu ngón tay: $\geq 0.11$ . Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: min 20MPa/16Mpa. Độ đàn hồi khi đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: min 700%/600%. Hàm lượng bột: max 10mg/dm <sup>2</sup> . Hàm lượng Protein: max 100 $\mu$ g/dm <sup>2</sup> . Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, GMP-FDA	Đôi	200,000	
25	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột. Mũ cao su tự nhiên, phân biệt tay trái/phải, TCVN 6344-2007. Bao gói đạt chuẩn ISO 11607, chuẩn Châu Âu REACH 1907/2006. Có hiện thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cân quang. Miếng túi kiểu Peel down. Màu sắc: Trắng, kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, Cân nặng ( $\pm 0.2$ gr): 6.5: 8.5gr, 7.0: 9.0gr, 7.5: 9.5gr, 8.0: 10.0gr. Chiều dài: Tối thiểu 270mm. Chiều rộng (mm): 6.5: 83 $\pm 6$ , 7.0: 89 $\pm 6$ , 7.5: 95 $\pm 6$ , 8.0: 102 $\pm 6$ . Độ dày (mm): Lòng bàn tay $\geq 0.14$ , đầu ngón tay $\geq 0.16$ . Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: Min 26MPa/20Mpa, Độ đàn hồi khi đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: 750%/560%. Lượng bột: max 10mg/dm <sup>2</sup> . Lượng Protein: max 100 $\mu$ g/dm <sup>2</sup> . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. GMP-FDA	Đôi	5,000	
26	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao 15cm x 70m	Làm từ chất liệu giấy và film y tế, giấy nặng 70 gsm/m <sup>2</sup> , film có cả loại màu xanh lam chuẩn và màu xanh lá cây không rách. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cuộn	02	
27	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao 25 cm x 70m	Làm từ chất liệu giấy và film y tế, giấy nặng 70 gsm/m <sup>2</sup> , film có cả loại màu xanh lam chuẩn và màu xanh lá cây không rách. Đạt tiêu chuẩn ISO 13486	cuộn	10	
28	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao 35 cm x 70m	Làm từ chất liệu giấy và film y tế, giấy nặng 70 gsm/m <sup>2</sup> , film có cả loại màu xanh lam chuẩn và màu xanh lá cây không rách. Đạt tiêu chuẩn ISO 13487	cuộn	10	
29	Túi đựng nước tiểu	Được sử dụng để lấy nước tiểu của bệnh nhân trong thời gian ngắn hạn hoặc dài hạn. Nó được kết nối với Ống thông Foley's hoặc Nelaton để lấy nước tiểu. Túi có chia vạch, có van xả thẳng. Dung tích: 2000ml Có dây treo Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần TCCL: ISO, CE	Bộ	70	
30	Ống nghiệm chống đông EDTA-K3	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên thân ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	7,500	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Ống nghiệm chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> ... trừ Li <sup>+</sup> ), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH <sub>3</sub> và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	10,000	
32	Ống nghiệm tách huyết thanh serum (không có hạt)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4,000	
33	Ống nghiệm máu lắng chân không Citrate 3.2%	Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đóng gói: 100 ống/ khay - Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống	Cái	200	
34	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm 50 ml có nắp ( đựng nước tiểu)	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong	Cái	5,000	
35	Pipet nhựa vô khuẩn dùng 1 lần các cỡ	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml, tiệt trùng bằng EO gas. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.	Cái	1,300	
36	Canuyn mayo (nhựa)	Chất liệu nhựa y tế, đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10	
37	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Chất liệu ống PVC Thông số các cỡ ống: 2.5 (đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 130mm); 3.0 (đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5 (đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5 (đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0 (đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5 (đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0 (đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6,5 (đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm).	Cái	20	
38	Sonde cho ăn có nắp các cỡ	Chất liệu bằng nhựa trắng, dẻo, có nắp, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, từ số 6 - 18. Dây trơn láng, không sần sùi, không có ba vĩa.	Cái	200	
39	Sonde dạ dày các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	100	
40	Dây hút dịch sử dụng một lần	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	2,500	



STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
41	Dây hút nhót các số	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có màng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	100	
42	Dây thở Oxy	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>- Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2</math> m, lòng ống có khóa chống gập.</li> <li>- Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.</li> </ul>	Bộ	500	
43	Dây Oxy 2 nhánh NL + TE	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	200	
44	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Phần Catheter đặt vào cơ thể bệnh nhân, được làm từ chất liệu Polyurethane mềm, tương thích sinh học cao. Đầu Catheter đánh dấu màu xanh, cân quang. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần Catheter ngoài cơ thể, gồm 1 nòng tương ứng với các loại Catheter khác nhau. Chất liệu Certon, dùng bơm thuốc, hòa chất, cấp cứu</li> <li>- Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí</li> <li>- Kim luồn chữ Y có van. Ống nông, chất liệu PU</li> <li>- Khóa bịt ngã ngăn dịch</li> <li>- Dây dẫn bằng chất liệu Nitinol, mềm mại, phủ Silicon (dây guide wire) tránh vặn xoắn với đầu hình chữ J linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO</li> </ul>	Bộ	100	
45	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kích cỡ 7F x 20 cm Bao gồm: 01 catheter 2 nòng (14Ga/18Ga) chất liệu polyurethane có cân quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm + 01 Dây dẫn đường kim loại / Nitinol 1 đầu thẳng mềm, 1 đầu chữ J, kích cỡ 0.032" x 60cm + 01 kim dẫn đường 18G x 6.5cm (Introducer Needle) + 01 bơm tiêm 5ml + 02 kẹp + 1 nòng 8F x 10cm (Vessel dilator) + 02 nắp bảo vệ + 01 chỉ liên kim + dao mổ số 11	Bộ	100	
46	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 1 dài 75 cm	Số 1 kim tam giác 3/8C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	sợi	120	
47	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	- Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Sử dụng trong tiểu phẫu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100	
48	Phim khô y tế 25x30 cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Hộp	30	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	Sonde Foley 2 nhánh các số	2 nhánh. Dây số 8Fr, 10Fr có chiều dài >28cm. Dây số 24Fr, 26Fr có chiều dài >40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiết trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 8Fr, 10Fr, 24Fr, 26Fr; có bóng 3-5ml; 5 -15ml; 15 - 30ml. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016	Cái	200	
50	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet. iêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	3,000	
51	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước. iêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	3,000	
52	Đè lưỡi INOX	Kích thước sản phẩm: Dài 150mm x rộng 18mm x dày 1mm	Cái	30	
53	Điện cực tim	KT: 32 x 41mm Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Hàng sử dụng 1 lần, đã tiết trùng Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	100	
54	Mask khí dung NL+TE	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	3,000	
55	Mask thở oxy NL+TE	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥2m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái	50	
56	Mask thở oxy NL+TE có túi dự trữ	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm; Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥2 m. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	500	
57	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz -250W, màu sắc đỏ đậm không phai nhạt sau khi chiếu Đuôi đèn theo tiêu chuẩn Châu Âu	Cái	4	
58	Bóng đèn cực tím các loại, các cỡ (60cm +90cm)	Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13487	Cái	100	
59	Máng đèn cực tím các loại, các cỡ (60cm +90cm)	Sử dụng cho Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13488	cái	70	
60	Filter lọc khuẩn	Khả năng tạo ẩm: 31mg / H <sub>2</sub> O @ VT 500ml · Mức kháng @ 60 LPM : 180pa · Khoảng chết: 45 ml	Cái	300	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>· Thể tích: 150-1500ml</li> <li>· Áp lực giọt dịch: ít hơn 0,35 kPa</li> <li>· Hiệu quả lọc vi khuẩn : 99,99998 %</li> <li>· Hiệu quả lọc virus : 99,99997 %</li> <li>· Trọng lượng: 29.1g</li> </ul>			
61	Giấy điện tim 12 cần	KT 215mm x 25m x 16mm, dùng cho máy điện tim 12 cần. Đạt ISO 13485, CE.	Cuộn	10	
62	Giấy điện tim 3 cần	KT 63mm x 30m x 16mm, dùng cho máy điện tim. Đạt ISO 13485, CE.	Cuộn	50	
63	Giấy in máy nước tiểu	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu, Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485;	Cuộn	50	
64	Giấy in siêu âm	Giấy in đen trắng. Kích thước: 110 mm x 20 m. Độ nhạy và tương phản phù hợp với máy in. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Xuất xứ: Nhật Bản	Cuộn	50	
65	Huyết áp đồng hồ	- Trọng lượng: 430 g - Dải đo: 20 tới 300 mmHg - Độ chính xác: ± 3 mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10	
66	Ống nghe	Ống gồm 2 dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	10	
67	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp. Đạt tiêu chuẩn Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001, CE, FDA. Tiệt trùng kín bằng khí EO. Quy cách: 50 cái/hộp	Cái	60,000	
68	Mũ giấy đã tiệt trùng	Mũ giấy đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	60,000	
69	Lam kính	Chất liệu thủy tinh trung tính. Trong suốt. Kích thước 25,4*76,2mm ±1mm Tiêu chuẩn EN ISO 13485. 72 cái/ hộp	Hộp	10	
70	Lam kính mài	Chất liệu thủy tinh trung tính. Trong suốt. Kích thước 25,4*76,2mm ±1mm Tiêu chuẩn EN ISO 13485. 72 cái/ hộp	Hộp	10	
71	Nhiệt kế thủy ngân	Cấu tạo của nhiệt kế gồm có bầu chứa thủy ngân, ống mao quản, bầu chứa phụ, thang chia độ. Thân nhiệt kế làm bằng thủy tinh chịu nhiệt. Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	50	
72	Kìm mang kim 18; 20 cm	Kìm mang kim 18; 20 cm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10	
73	Panh tách 10;12 cm	Panh tách 10; 12cm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10	
74	Bóng bóp oxy (Ambu bóp bóng)	gồm bóng, mask, túi dự trữ khí, dây. Mask silicon loại không bơm hơi. được tiệt trùng, các cỡ, sử dụng cho người lớn, trẻ em	Bộ	10	
75	Panh thẳng có máu 16;18cm	Panh thẳng có máu 16; 18cm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10	
76	Panh thẳng không có máu 16;18cm	Panh thẳng không có máu 16;18 cm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10	
77	Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	Chất liệu: Giấy Duplex kháng khuẩn. Màu sắc: Màu Vàng Y tế. Kích thước: ≥ 150 x 120 x 270mm. Dung tích: ≥5L Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	300	
78	Dây garo tiêm	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rất, đỏ đau trong quá trình sử dụng.	cái	50	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Lực kéo đứt (độ bền kéo): $\geq 100N$ Độ đàn hồi tương đối: $\geq 75\%$ Khả năng bám dính của băng gai: $\geq 5N$ Độ bền miếng dán: $\geq 100$ lần Mật độ đường may: $\geq 3$ mũi/1cm Kích thước: 2,5cm (+/-0,5cm) x 30cm (+/-2cm) Dây garo được đóng trong nylon có thông tin sản phẩm, đóng trong thùng cation có lớp nylon bảo quản. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016			
79	Dây garo cao su	Được làm bằng thun, chất liệu cao su, co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Kích thước: 2,5cm ( $\pm 0,5$ cm) x 30cm ( $\pm 2$ cm) Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	50	
80	Đồng hồ Oxy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút	Cái	20	
81	Ống nghiệm vô trùng Fancoi	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn rã khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm 6000 vòng/phút.	Cái	2,500	
82	Trọca thông dịch màng phổi các cỡ, các cỡ	Nhựa PVC, DEHP không gây dị ứng. trong suốt bạo ngoài giúi chọc bằng nhôm. *Đầu vát hình phễu, sắc nhọn. *Vạch đánh dấu cách 2cm, Đóng gói 2 lớp, có đầu đệm. Ống mềm, nhưng chắc tạo thuận lợi đưa vào nhưng tránh gây tổn thương xung quanh. chứng nhận ISO, CE. Size/ Length 12ch/ 225mm, 16ch/ 235mm, 20ch/ 390mm, 24ch/ 390mm, 28ch/ 390mm, 32ch/ 390mm.		40	
83	Chai thủy tinh có chia vạch nắp xoay	Chu vi 43cm, cao 26cm, đường kính đáy 14cm, dung tích 2500ml	cái	10	
84	Giấy in nhiệt	Kích thước: 55mm x 30mm x 16mm, dùng cho máy in nhiệt. Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485; CE.	cuộn	30	
85	Ống đo chức năng hô hấp	Ống Ngậm Giấy các cỡ Cho Máy Đo Chức Năng Hô Hấp	Ống	500	
86	Cốc đựng đờm	Nguyên liệu: nhựa PP Màu sắc: trắng trong Kích thước: Ø60mm x 35mm Sử dụng: đựng đờm, nước tiểu của bệnh nhân Tiêu chuẩn EN ISO 13485	cái	5,000	
87	Chỉ lạnh	Chiều dài: 360m Chất liệu 100% bằng sợi cotton, sợi chỉ bền màu bề mặt sáng bóng, có độ dai. Chỉ màu trắng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	cuộn	5	
88	Bộ dụng cụ xét nghiệm	Gồm ống đong 1000ml, chai thủy tinh nút mài 1000ml, thìa thủy tinh 40cm, phễu thủy tinh D 8cm	bộ	2	
89	Hộp đựng tiêu bản	được làm bằng polystyrene chịu va đập cao và được cố định bằng các kẹp và chốt bản lề mạ niken chống gỉ. Để đảm bảo nhận dạng tiêu bản thích hợp, mỗi khe được đánh số tương ứng với chỉ số trên nắp bên trong.	chiếc	10	
90	Chổi rửa ống nội soi phế quản cỡ 25 cm	Chổi vệ sinh ống nội soi phế quản Bàn chải đầu cắt/van điều khiển có đầu sợi cứng dày để tăng cường công suất làm sạch Đầu tròn cho phép trực quan hóa khi được nhúng trong dung dịch làm sạch và bảo vệ tránh bị hư hại vô ý đối với kênh. Chiều dài 25cm, độ dài chổi( kênh) 20mm, đường kính bàn chải ( van) 10mm, chiều dài chổi (van) 40mm	chiếc	50	
91	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ứót), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	Chỉ thị hóa học ho hấp ứót. Kích thước: 1,5 cm x 20 cm. Thành phần: giấy > 99%, Lead Carbonate Hydroxide: 0,5 - 0,9. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C-134°C.	hộp	3	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
92	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt khuẩn hơi nước	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 3M™ Comply™ Steam Indicator Tapes 1322 được thiết kế để cố định các gói được bọc bằng vải dệt chưa qua xử lý và vải không dệt, giấy và giấy / nhựa dùng một lần. Kích thước 24mm x 55m. CN chất lượng: ISO	Cuộn	10	
93	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 4%; Chất dưỡng da, giữ ẩm: Caprylyl glycol và Tocophenol acetate. Chai 500ml	Chai	50	
94	Dung dịch xịt lau làm sạch và khử khuẩn các bề mặt xe tiêm, mặt bàn, trang thiết bị	6,5% Didecyl dimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. Làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. pH trung tính, tương thích tốt với dụng cụ. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vaccinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng ≤0,5%. Thể tích chai 1000 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; 9001	Chai	30	
95	Chất tẩy rửa mạnh và khử khuẩn dụng cụ ngoại khoa, nội khoa và dụng cụ nội soi.	(6,3% N,N - didecyl - N - methyl - poly (oxyethyl) ammonium propionate + 1% Poly hexamethylene biguanide chloride)	can	20	
96	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	- Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. - Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. - Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) - Vi khuẩn: EN 14561 - Nấm mốc: EN 14562 - Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563. - Quy cách can 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	can	30	
97	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	-Viên nén khử khuẩn chứa 2,5g NaDCC- Viên nén khử khuẩn với thành phần chính là clo khô, Sodium Dichloroisocyanurate (NaDCC) được pha trộn với các thành phần sủi bọt trước khi được nén thành dạng viên nén.	Viên	2,000	
98	Cloramin B	Có khả năng diệt tới 99,9% vi khuẩn phổ rộng, nấm, nha bào và virus, khử trùng, sát khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO	kg	150	
99	Dầu Parafin vô khuẩn	Dầu parafin Không chứa tạp chất, là dung dịch lỏng trong, không màu, không mùi	Ống	100	
100	Nước cất hai lần	Nước cất 2 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO	Lít	500	
101	Nước Javen	Chất lỏng, là dung dịch tẩy rửa. Can 10 lít	Lít	10	
102	Cồn 96 độ được dụng	Thành phần: 90% v/v Ethanol. Trọng suất, mùi Alcohol, dùng trong y tế, tác dụng sát khuẩn, ngâm rửa. ISO: 13485 Quy cách đóng gói: Chai 500ml	Lít	300	
103	Dầu soi kính	Dung dịch dầu soi kính hiển vi, trong suốt, không màu, chai 500ml	Lọ	2	
104	Gel bôi trơn	Tinh chất bạc hà, Water, Propylene Glycol, PEG-8, Hydroxypropyl Cellulose, Lactic Acid.	Tube	5	
105	Giêm sa mẹ	Nhiệt độ sôi: >65 °C (1013 hPa); Tỷ trọng: 0.99 g/cm <sup>3</sup> (20 °C); Giới hạn nổ (Explosion limit): 5.5 – 44 %(V) Methanol. Nhiệt độ đánh lửa: 455 °C; pH: 6.1 – 7.0 (H <sub>2</sub> O, 20 °C) (undiluted). Đóng gói: 100 ml, 500 ml	Chai	1	
106	NaOH	Tỷ trọng: 0.99 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)	gram	1,000	
107	Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	Giới hạn nổ (Explosion limit): 5.5 – 44 %(V) Methanol	gram	1,000	
108	KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	Nhiệt độ đánh lửa: 455 °C	gram	1,000	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
109	Natricitrat	pH: 6.1 – 7.0 (H <sub>2</sub> O, 20 °C) (undiluted)	gram	1,000	
110	N- Acetyl - L - Cysteine	Đóng gói: 100 ml, 500 ml	gram	200	
111	Gel siêu âm	Bảo quản: +15°C to +25°C	Can	5	
112	Khí ÔXY bình (40 lít)	Chất lượng % O <sub>2</sub> ≥ 99,6% Đạt tiêu chuẩn khí y tế ; Áp suất nạp ≥150atm; Áp suất sử dụng ≥135atm Đóng bình 40 lít.	Bình	3,500	
113	Khí ÔXY bình (7 lít)	Chất lượng % O <sub>2</sub> ≥ 99,6% Đạt tiêu chuẩn khí y tế ; Áp suất nạp ≥150atm; Áp suất sử dụng ≥135atm Đóng bình 7 lít.	Bình	5	
114	Huyết thanh mẫu Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	3	
115	Huyết thanh mẫu Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B: dòng vô tính sifin B-6F9. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	3	
116	Huyết thanh mẫu Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB	Lọ	3	
117	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	Chỉ định: Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. Đạt TCCL ISO 13485. - Độ nhạy tương quan: 100% (95%CI*: 96.19% - 100%) - Độ đặc hiệu tương quan: 100% (95%CI*: 99.18% - 100%) - Độ chính xác tương quan: 100% (95%CI*: 99.32% - 100%) Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Test	500	
118	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	Chỉ định: Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HCV tái tổ hợp. Hạn dùng: 24 tháng Hiệu quả chẩn đoán: - Độ nhạy tương quan: 99.05% (95%CI*: 97.24% - 99.68%) - Độ đặc hiệu tương quan: 99.46% (95%CI*: 98.61% - 99.79%) - Độ chính xác tương quan: 99.33% (95%CI*: 98.63% - 99.68%) *95%CI: Khoảng tin cậy 95% Hộp 50 test Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Test	500	
119	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Test nhanh vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người HIV 1/2 (Máu toàn phần/Huyết thanh / Huyết tương) là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng HIV 1 và/hoặc HIV 2 trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thời gian đọc kết quả 10 phút , Nhiệt độ lưu trữ 4-30o C, Độ nhạy >99.9. Đặc tính chất lượng >99.9% Độ chính xác >99.9%. Thành phần Que thử, bộ chén, bộ nhỏ giọt, thuốc thử. Hạn sử dụng: 24 tháng	Test	500	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>II</b>	<b>HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM</b>				
<b>1.</b>	<b>Hoá chất vật tư dùng cho máy sinh hoá</b>				
120	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; dải đo: 1,6-6 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	10	
121	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	8	
122	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	9	
123	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; dải đo: 0.25-25 mg/dL Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	7	
124	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; dải đo: 20 - 600 mg/dL	Hộp	4	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: $\geq 180$ U/L - Cholesterol oxidase : $\geq 200$ U/L - Peroxidase : $\geq 1000$ U/L - 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/L- Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL			
125	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; dải đo: 0.5-15 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Dítodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL	Hộp	12	
126	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; dải đo: 20-400 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrin: 0.3 mmol/L - Peroxidase: $\geq 700$ U/L - Glucose oxidase: $\geq 10000$ U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	Hộp	5	
127	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1% (Khối lượng/khối lượng)	Hộp	6	
128	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL * Quy cách: R 6x50mL + Std 1x5mL	Hộp	4	



STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		*Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: $\geq 2000$ U/L - Glycerol kinase: $\geq 500$ U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: $\geq 4000$ U/L - Peroxidase: $\geq 500$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ (Khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magiê, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/khối lượng)			
129	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL, nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: $\geq 8100$ U/L -GIDH: $\geq 1350$ U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	Hộp	6	
130	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trên máy xét nghiệm hóa sinh. * Quy cách: R 6x50ml + Std: 1x5ml *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: $\geq 150$ U/L - Peroxidase: $\geq 12000$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/khối lượng) Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 $\mu\text{mol/L}$ ) - Sodium azide: $<0.5\%$ (khối lượng/khối lượng)	Hộp	3	
131	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy 1; 10 x 5 ml/hộp	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ	Hộp	6	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.			
132	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy 2; 10 x 5 ml/hộp	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bất thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	6	
133	Hoá chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 4 x 3 ml/hộp	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Sodium azide < 0.1% (khối lượng/khối lượng) - Nồng độ của chất phân tích đặc trưng theo từng lô.	Hộp	6	
134	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	Chai	6	
135	Bóng đèn Halogel dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa	Cái	4	
136	Cuvet cho máy Sinh hóa BS240 pro	Cuvette dùng cho máy sinh hóa	Cái	2	
137	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP) trên máy xét nghiệm sinh hóa *Dải đo 5-190 mg/L *Quy cách: R1: 2x25ml + R2: 1x5ml *Thành phần: Hóa chất R1: - Buffer: pH 7.43 - Accelerator - Sodium Azide: < 0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất R2: - Buffer: pH 7.43 - Kháng thể đa dòng kháng CRP - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	Hộp	6	
<b>2</b>	<b>Hoá chất sử dụng cho máy huyết học</b>				
138	Dung dịch pha loãng	*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất:	Thùng	10	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Chất bảo quản - Đệm - Natri clorua - chelator ion kim loại - Natri sunfat			
139	Dung dịch ly giải	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn - Potassium Chloride - Imidazole - Chất ổn định	Chai	10	
140	Dung dịch rửa hệ thống	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn - Potassium Chloride - Imidazole - Chất ổn định	Chai	12	
141	Dung dịch enzym rửa	*Dung dịch nhằm loại bỏ cặn của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo lường của máy phân tích huyết học. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35 - EMPIGEN BB - EVERIS PRECISE - Sodium Chloride - Đệm - Chất ổn định - Chất bảo quản	Lọ	3	
142	Hoá chất chuẩn	*Chất hiệu chuẩn sử dụng trong hiệu chuẩn máy phân tích huyết học *Hóa chất bao gồm: erythrocyte người, leukocyte động vật có vú và tiểu cầu động vật có vú trong chất lỏng giống huyết tương cùng chất bảo quản.	Lọ	4	
<b>3.</b>	<b>Hóa chất dùng cho máy điện giải</b>				
143	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Hóa chất sử dụng để xác định định lượng Natri (Na <sup>+</sup> ), Kali (K <sup>+</sup> ) và Clorua (Cl <sup>-</sup> ) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 4.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 125.0 mmol/L Cl <sup>-</sup> ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 16.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 41.0 mmol/L Cl <sup>-</sup> ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Hộp	6	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
144	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	7	
145	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải 2 mức	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Li <sup>+</sup> , Ca <sup>++</sup> , pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Hộp	3	
146	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải 3 mức	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Li <sup>+</sup> , Ca <sup>++</sup> , pH) với 3 mức: bình thường, cao và thấp. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Hộp	3	
147	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3	
148	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3	
149	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3	
150	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Li	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Cái	3	
151	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Hộp	3	
152	IVD ngâm điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Lọ	3	
153	Màng điện cực máy xét nghiệm điện giải	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3	
154	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	3	
<b>4.</b>	<b>Máy xét nghiệm khí máu</b>				
155	Thuốc thử xét nghiệm định lượng pH, PCO <sub>2</sub> , PO <sub>2</sub>	Hoá chất xét nghiệm khí máu bao gồm: - 550mL Calibrant A Solution- Dung dịch Calibrant A 550 ml. Thành phần: 7.3–7.50 pH, 6-8% CO <sub>2</sub> , 21-25% O <sub>2</sub> , Buffer, Chất bảo quản, và wetting agen - 300mL Calibrant B Solution - Dung dịch Calibrant B 300 ml. Thành phần: 6.8–7.00 pH, 11-14% CO <sub>2</sub> , 0% O <sub>2</sub> , Buffer, Chất bảo quản, và wetting agent	Hộp	7	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- 700mL Rinse Solution - Dung dịch hệ thống 700 ml. Thành phần: Buffer, Chất bảo quản, và wetting agent - Waste container - Bình đựng chất thải			
156	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	4	
157	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 1 EasyQC Level 1 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 1 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người.	Hộp	3	
158	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 2 EasyQC Level 2 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 2 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người.	Hộp	3	
159	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 3 EasyQC Level 3 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 3 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người.	Hộp	3	
160	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Điện cực pH dùng cho máy khí máu Easyblood Gas và EasyStat hãng Medica/Mỹ	Cái	2	
161	Điện cực xét nghiệm định lượng PCO <sub>2</sub>	Điện cực pCO <sub>2</sub> dùng cho máy khí máu Easyblood Gas và EasyStat hãng Medica/Mỹ	Cái	2	
162	Điện cực xét nghiệm định lượng PO <sub>2</sub>	Điện cực pO <sub>2</sub> dùng cho máy khí máu Easyblood Gas và EasyStat hãng Medica/Mỹ	Cái	2	
163	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Điện cực tham chiếu dùng cho máy khí máu Easyblood Gas, EasyStat và máy điện giải EasyElectrolyte hãng Medica/Mỹ	Cái	2	
164	Bộ đường ống máy khí máu	Bộ đường ống dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mỹ	Cái	2	
165	Dụng cụ lấy mẫu máy khí máu	Dụng cụ lấy mẫu dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mỹ	Cái	2	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
166	Bộ van dùng cho máy khí máu	Bộ van dùng cho máy khí máu Medica/Mỹ	Cái	2	
167	Ống mao dẫn lấy mẫu	Ống mao dẫn lấy mẫu	Hộp	1,500	
168	Giấy in nhiệt máy khí máu	Giấy in nhiệt dùng cho máy khí máu Medica/Mỹ	Cuộn	25	
<b>5.</b>	<b>Hoá chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu</b>				
169	Que thử nước tiểu tương thích (10 thông số)	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes; tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020 của hãng Arkray	Hộp	50	
<b>6.</b>	<b>Hóa chất vật tư dùng cho máy nuôi cấy vi khuẩn lao</b>				
170	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	- Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. - Mỗi ống chứa 110 $\mu$ L chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC	Hộp	10	
171	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	- Dùng trong quy trình phục hồi và phát hiện vi khuẩn mycobacteria. - Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 $\mu$ g, Nalidixic axit 2,400 $\mu$ g, Trimethoprim 600 $\mu$ g, Azlocillin 600 $\mu$ g. - Bảo quản ở 2 - 8°C	Hộp	10	
172	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	- Được sử dụng trên máy BD BACTECT <sup>TM</sup> MGIT <sup>TM</sup> 960, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Bảo quản tối ở 2–25 °C	Ống	20	
173	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một đường xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một đường chứng chứa kháng thể kháng loài. - Bảo quản ở 2 - 35°C.	Hộp	10	
174	Bộ nhuộm vi khuẩn lao huỳnh quang	- Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương	Bộ	10	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		ứng trên 1 lít) + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate:Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL. - Nhiệt độ bảo quản: 15–30 °C.			
	<b>Tổng số: 174 khoản</b>				

## PHỤ LỤC 2

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: Quý khách hàng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....., chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, <sup>(3)</sup>	Quy cách	hãng sản xuất	Loại trang TBYT (A,B,C,D) <sup>6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**



